ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 71 /BC-UBND	*Bình Định, ngày 01 tháng 06 năm 2021*

BÁO CÁO
Tổng kết 10 năm thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2011 - 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi: Ủy ban Dân tộc

Thực hiện Công văn số 143/UBDT-DTTS ngày 05/02/2021 của Uỷ ban Dân tộc về việc thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; UBND tỉnh Bình Định báo cáo kết quả 10 năm thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2011 - 2021 trên địa bàn tỉnh, như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ UY TÍN GIAI ĐOẠN 2011-2021

1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương

Toàn tỉnh có 11 huyện, thị xã và thành phố; có 159 xã, phường, thị trấn. Trong đó có 33 xã, thị trấn có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tập trung theo cộng đồng ở 119 thôn, làng (khu phố) thuộc các huyện: An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Hoài Ân, Tây Sơn, Phù Cát; có 26 xã đặc biệt khó khăn (gồm 141 thôn) và 47 thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II; 3 huyện nghèo thực hiện Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a của Chính phủ.

Hiện nay, toàn tỉnh có 39 dân tộc thiểu số với khoảng 41.768 người, chiếm 2,81% dân số toàn tỉnh, trong đó có 3 dân tộc cư trú lâu đời là Bana có 21.650 người (chiếm 51,86%), H'rê có 11.112 người (chiếm 26,6%), Chăm có 6.364 người (chiếm 15,2%) và các dân tộc thiểu số khác nhập cư. Đồng bào cư trú chủ yếu ở vùng rừng núi rộng lớn, có địa hình khá phức tạp, hiểm trở, là địa bàn có vị trí chiến lược xung yếu cả về phát triển kinh tế - xã hội, thế trận quốc phòng - an ninh, môi trường sinh thái; đây là vùng căn cứ địa cách mạng của 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Đồng bào có truyền thống cách mạng, đoàn kết một lòng, tương thân, tương ái, đùm bọc, giúp đỡ nhau; có lòng yêu nước, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

2. Kết quả đạt được

2.1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chính sách

a) Công tác phổ biến, quán triệt, triển khai các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của cơ quan Trung ương về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số

Thực hiện Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Quyết định số

56/2013/QĐ-TTg ngày 07/10/ 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/QĐ/2011/QĐ-TTg; Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-UBDT-BTC ngày 10/01/2014 của Uỷ ban Dân tộc và Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; UBND tỉnh Bình Định đã kịp thời ban hành các Văn bản tổ chức triển khai thực hiện[1]. Hàng năm, UBND tỉnh Bình Định đã chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh phối hợp với Công an tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh & Xã hội, Mặt trận tổ quốc và các hội, đoàn thể, UBND các huyện: An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh, Hoài Ân, Tây Sơn và Phù Cát thực hiện một số nhiệm vụ:

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện chính sách người có uy tín trên địa bàn tỉnh; ban hành Quy định về phân công quản lý nhà nước và vai trò, trách nhiệm của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh;

- Hướng dẫn UBND các huyện giao Phòng Dân tộc và bộ phận làm công tác dân tộc chủ trì phối hợp với Công an huyện, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và UBND các xã, thị trấn có liên quan tham mưu UBND huyện chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra, việc bình chọn, xét công nhận, bầu bổ sung, thay thế người có uy tín trên địa bàn huyện theo đúng trình tự thủ tục quy định, tổng hợp danh sách gửi về Ban Dân tộc tỉnh trình UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận người có uy tín;

- Tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần cho người có uy tín gặp khó khăn do thiên tai, thăm hỏi ốm đau, qua đời;

- Cung cấp báo chí; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về pháp luật, quốc phòng, an ninh, chính sách dân tộc và kỹ năng hòa giải, tuyên truyền, vận động quần chúng, cung cấp thông tin về chủ trương đường lối của Đảng chính sách pháp luật của Nhà nước, các chương trình, chính sách dân tộc đang được triển khai trên địa bàn tỉnh;

- Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh; khen thưởng người có uy tín có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh, trật tự, giữ gìn bản sắc văn hóa và đoàn kết dân tộc.

b) Bố trí kinh phí, nguồn lực thực hiện chính sách

Bố trí kinh phí thực hiện chính sách đối với người có uy tín trên địa bàn tỉnh từ năm 2011 đến năm 2021 là 5.984.577.000 đồng.

c) Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, sơ kết, đánh giá thực hiện chính sách đối

---

[1] Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 06/4/2012 ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 ban hành Kế hoạch thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh năm 2019-2020; Quyết định số 16/2020//QĐ-UBND ngày 20/4/2020 ban hành Quy định về phân công quản lý nhà nước và vai trò, trách nhiệm của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 5220/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 ban hành Kế hoạch thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh năm 2021-2022.

với người có uy tín

UBND tỉnh Bình Định đã chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, có các văn bản hướng dẫn, kiểm tra UBND các huyện thực hiện các công việc:

- Rà soát, bầu bổ sung thay thế người có uy tín đảm bảo công khai dân chủ, đúng quy trình, tiêu chuẩn, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Thực hiện dân chủ, công khai các chính sách, chế độ đối với người có uy tín, giải quyết kịp thời về vật chất và tinh thần cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh;

- Chỉ đạo các địa phương theo dõi, giám sát việc thực hiện cấp các ấn phẩm báo, tạp chí cho người uy tín đảm bảo kịp thời, đến đúng địa chỉ và đối tượng thụ hưởng theo quy định;

- Hàng năm, tổ chức Hội nghị tập huấn bồi dưỡng kiến thức, lồng ghép nội dung tổng kết công tác vận động, tranh thủ người có uy tín, đánh giá những mặt làm được, những tồn tại, hạn chế, chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm trong công tác tuyên truyền, vận động của người có uy tín. Qua đó, nắm bắt tâm tư nguyện vọng, các đề xuất kiến nghị của người có uy tín để chỉ đạo các ngành, các địa phương và đề nghị các hội, đoàn thể có liên quan phối hợp với người có uy tín thực hiện các nội dung tuyên truyền vận động thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, củng cố và phát huy tinh thần đoàn kết trong đồng bào dân tộc thiểu số, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giải quyết tốt các vấn đề tranh chấp, mâu thuẫn, tự tử, tự sát, tảo hôn, hôn nhân cận huyết trong đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời, động viên người uy tín tăng cường cập nhật theo dõi các thông tin mới để tổ chức tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện.

2.2. Tổ chức thực hiện chính sách đối với người có uy tín

a) Bình chọn, lập danh sách người có uy tín

Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số là già làng, trưởng thôn, cán bộ hưu trí, người sản xuất giỏi có vai trò quan trọng trong vận động đồng bào dân tộc thiểu số chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tham gia giải quyết các vụ việc phức tạp ở cơ sở; là lực lượng nòng cốt trong xây dựng quy ước, hương ước thôn, làng hoạt động của tổ hòa giải, gương mẫu đi đầu trong các phong trào ở địa phương, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Năm 2011, chưa có thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương nên chưa tiến hành bình xét, công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 18/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Từ năm 2012 đến nay, công tác rà soát, lập danh sách người có uy tín và bình chọn bổ sung, thay thế người có uy tín thực hiện khách quan, dân chủ theo quy định.

+ Tổng số thành phần dân tộc được bầu chọn người có uy tín qua các năm: Dân tộc chăm Hroi là 118 người, dân tộc Bana là 708 người, Hre là 390 người.

+ Thành phần người uy tín qua các năm: Già làng: 322 người, trưởng dòng họ, dòng tộc: 7 người, trưởng thôn và tương đương: 68 người, cán bộ hưu trí: 291 người, Thầy cúng: 65 người, người sản xuất giỏi: 51 người, đảng viên: 518 người và thành phần khác: 303 người.

- Số lượng người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS qua từng năm như sau:

+ Năm 2012, năm 2013, năm 2014, năm 2015: 121 người thuộc 06 huyện Vân Canh (28 người), Vĩnh Thạnh (30 người), An Lão (41 người), Hoài Ân (13 người), Tây Sơn (7 người), Phù Cát (2 người);

+ Năm 2016, năm 2017, năm 2018, năm 2019, năm 2020, năm 2021: 122 người thuộc 06 huyện Vân Canh (28 người), Vĩnh Thạnh (32 người), An Lão (40 người), Hoài Ân (13 người), Tây Sơn (7 người), Phù Cát (2 người).

(Kèm theo Phụ biểu số 01)

b) Thực hiện chế độ, chính sách đối với người có uy tín theo quy định của Thủ tướng Chính phủ

* Cấp tỉnh:

Từ năm 2011-2021, đã thực hiện các chế độ, chính sách đối với người có uy tín, với tổng kinh phí thực hiện: 3.724.070.000 đồng (NS địa phương: 2.867.975.000 đồng, NS Trung ương: 856.095.000 đồng), cụ thể:

- Cấp Báo Dân tộc & Phát triển của Ủy ban Dân tộc và Báo Bình Định cho 122 người có uy tín trên địa bàn tỉnh: mỗi năm cấp khoảng 105 tờ Báo Dân tộc & Phát triển, 358 tờ Báo Bình Định. Kinh phí: 1.074.491.000 đồng (NS địa phương: 466.556.000 đồng, NS Trung ương: 607.935.000 đồng);

- Tổ chức 06 Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng cung cấp thông tin với 640 lượt người tham gia và tặng thưởng giấy khen của Trưởng ban Ban Dân tộc: 02 đợt, 30 lượt người. Kinh phí (NS địa phương): 696.964.000 đồng;

- Tổ chức 07 đợt tham quan học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh với 166 lượt người tham gia. Kinh phí (NS địa phương): 1.116.697.000 đồng;

- Hỗ trợ, thăm hỏi tặng quà cho người có uy tín gặp khó khăn do thiên tai: 24 đợt với 362 lượt người; ốm đau: 10 đợt với 11 lượt người; qua đời: 05 đợt với 05 lượt người. Kinh phí: 390.918.000 đồng (NS địa phương: 163.718.000 đồng, NS Trung ương: 227.200.000 đồng);

- Đón tiếp, tặng quà các đoàn đại biểu người có uy tín các địa phương trong và ngoài tỉnh đến thăm, làm việc tại cơ quan Ban Dân tộc tỉnh. Kinh phí (NS địa phương): 345.247.000 đồng;

- Các khoản chi phí văn phòng phẩm, gửi công văn, xăng, xe, công tác phí...đi kiểm tra, thăm hỏi, động viên người có uy tín. Kinh phí: 99.753.000 đồng (NS địa phương: 78.793.000 đồng, NS Trung ương: 20.960.000 đồng);

- Tổ chức bình chọn và đưa đón người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tham dự "Lễ tuyên dương người có uy tín, nhân sỹ trí thức và doanh nhân tiêu biểu dân tộc thiểu số toàn quốc năm 2017" do Ủy ban Dân tộc tổ chức;

- Tổ chức bình chọn và đưa đón người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tham dự, tôn vinh trong Chương trình "Điểm tựa bản làng" do Ủy ban Dân tộc và Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng tổ chức;

- Tổ chức lựa chọn và đưa đón người có uy tín tham dự Hội thảo, Hội nghị, tập

huấn An Toàn Giao thông, thông tin đối ngoại các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên tổ chức tại tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk và Quảng Nam do Ủy ban Dân tộc tổ chức.

* Cấp huyện:

Từ năm 2011-2021, các huyện thực hiện các chế độ, chính sách đối với người có uy tín, với tổng kinh phí thực hiện: 2.260.507.000 đồng, cụ thể:

- Thăm hỏi tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán cho 1.143 lượt người. Kinh phí thực hiện: 474.200.000 đồng (Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg: 400.000đồng/người/lần, Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg: 500.000 đồng/người/lần);

- Tổ chức 34 Hội nghị phổ biến cung cấp thông tin với 824 lượt người tham gia. Kinh phí thực hiện: 288.515.000 đồng;

- Tổ chức 14 đợt tham quan học tập kinh nghiệm trong tỉnh với 270 lượt người tham gia. Kinh phí thực hiện: 283.669.000 đồng;

- Hỗ trợ, thăm hỏi tặng quà cho người có uy tín ốm đau: 44 đợt với 65 lượt người. Kinh phí thực hiện: 829.600.000 đồng;

- Hỗ trợ, thăm hỏi tặng quà cho người có uy tín gặp khó khăn do thiên tai: 23 đợt với 274 lượt người. Kinh phí thực hiện: 193.300.000 đồng;

- Hỗ trợ thăm hỏi tặng quà cho người có uy tín và người thân qua đời: 13 đợt với 14 lượt người. Kinh phí thực hiện: 6.500.000 đồng;

- Đón tiếp, tặng quà các đoàn đại biểu người có uy tín các địa phương trong và ngoài tỉnh đến thăm, làm việc tại địa phương. Các khoản chi phí đưa đón người có uy tín đi tham quan học tập kinh nghiệm, hội nghị tập huấn do tỉnh tổ chức; hội thảo Uỷ ban Dân tộc tổ chức,... Kinh phí thực hiện: 184.723.000 đồng.

(Kèm theo Phụ biểu số 02A, 02B)

2.3. Công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trên các lĩnh vực của đời sống xã hội

a) Trong tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước

Nhận thức được tầm quan trọng về vị trí, vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Công tác tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với người có uy tín đã được cấp ủy, chính quyền đặc biệt quan tâm đã góp phần động viên, khuyến khích người có uy tín phát huy khả năng trong việc vận động, tuyên truyền đồng bào dân tộc thiểu số chấp hành đúng các chủ trương của Đảng, thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghĩa vụ công dân; tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước do huyện, tỉnh và các cấp, các ngành phát động; đã huy động được sự ủng hộ to lớn của đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng thuận, tham gia tích cực trong các phòng trào phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới; tích cực đẩy mạnh việc " *Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*".

b) Trong phát triển kinh tế-xã hội, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới

Người uy tín luôn đi đầu trong việc phát triển kinh tế gia đình, kinh tế hộ. Đồng

thời vận động, hướng dẫn người thân, gia đình và bà con trong thôn cùng nhau phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, vươn lên làm giàu góp phần xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Do thực hiện tốt chính sách dân tộc và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nên tư tưởng của đồng bào dân tộc thiểu số nói chung, người có uy tín nói riêng luôn ổn định, tin tưởng tuyệt đối vào đường lối và sự lãnh đạo của Đảng. Cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số được đầu tư, nâng cấp; đồng bào dân tộc thiểu số phát huy truyền thống cách mạng, tích cực lao động sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi; tích cực nhận khoán rừng để bảo vệ, quản lý…vì vậy kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số những năm qua không ngừng phát triển, tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm từ 4 đến 5%, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào từng bước được cải thiện.

c) Trong xây dựng hệ thống chính trị cơ sở và khối đại đoàn kết dân tộc

Thông qua các đợt tiếp xúc cử tri của Đại biểu HĐND các cấp, những người có uy tín đã phản ánh tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, đồng thời tham gia ý kiến đóng góp thiết thực vào chương trình phát tiển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đặc biệc là công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc các cấp; tích cực vận động con cháu, dòng họ và mọi người dân tham gia các tổ chức đoàn thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tại cơ sở.

d) Trong giữ gìn an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc

Người có uy tín có vai trò quan trọng trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương, thông qua việc giải thích, vận động đồng bào nâng cao cảnh giác, không nghe lời kẻ xấu xúi giục. Các phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc", "Giữ gìn an ninh trật tự ở khu dân cư". Nhờ đó đã góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở, hạn chế được tình trạng du canh, du cư, tranh chấp đất đai, lấn chiếm đất lâm nghiệp, khai thác lâm sản, săn bắt động vật hoang dã trái phép, không tham gia, hoạt động truyền đạo trái phép ở các xã vùng sâu và vùng giáp ranh. Tích cực vận động đồng bào các dân tộc thiểu số đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, giũ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, tham gia thực hiện tốt cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"*; Hưởng ứng thực hiện cuộc vận động "Ngày vì người nghèo" và phong trào xoá nhà tạm, nhà ở đơn sơ, dột nát; chấp hành pháp luật; thực hiện văn minh trong tiệc cưới, tang, lễ hội; thực hiện tốt các quy ước, hương ước ở khu dân cư; đồng thời tham gia giải quyết tốt các mâu thuẫn trong nội bộ dân cư như khiếu kiện, tranh chấp đất đai, nạn tảo hôn, tự tử, cầm đồ thuốc độc, mê tín dị đoan.

3. Đánh giá chung

3.1. Kết quả đạt được

Với những đóng góp mà đội ngũ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong 10 năm qua, có thể khẳng định: Những người có uy tín có vai trò rất quan trọng trong đời sống, trong hoạt động lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Họ chính là chiếc cầu nối giữa Đảng, Chính quyền với nhân dân, tuyên truyền, vận động nhằm thay đổi, bài trừ những hủ tục lạc hậu trong ma chay

và cưới xin, trong cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá tại khu dân cư"*; trong công tác hòa giải, đối nhân xử thế của mỗi thành viên trong cộng đồng; trong vận động nhân dân tham gia thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước góp phần củng cố khối đoàn kết toàn dân, truyền tải những chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trên tất cả mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội đến với đông đảo nhân dân các dân tộc như đẩy mạnh phát triển sản xuất; phát triển văn hóa xã hội; bảo vệ môi trường, bảo vệ và phát triển rừng; giữ gìn an ninh trật tự; vận động đồng bào phát huy những phong tục, tập quán tiến bộ, gìn giữ bản sắc văn hoá truyền thống dân tộc.

Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn đã và đang nhận được sự quan tâm đặc biệt của Đảng, Nhà nước cũng như của tỉnh trong đầu tư, hỗ trợ các chương trình, chính sách để phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo bền vững như Chương trình 135 về hỗ trợ cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã ĐBKK, các thôn (làng) ĐBKK theo Quyết định số 551/QĐ-TTg; Chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đặc biệt khó khăn theo Quyết định 755/QĐ-TTg, Quyết định 2085/QĐ-TTg; Chính sách hỗ trợ di dân, thực hiện định canh, định cư cho đồng vào dân tộc thiểu số theo Quyết định 33/2013/QĐ- TTg; Chính sách cho vay đối với hộ nghèo là người dân tộc thiểu số ở các xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định 54/2012/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo của cả nước theo Nghị quyết 30a/NQ- CP của Chính phủ; Chương trình tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và nhiều chương trình, dự án khác đã và đang được đầu tư, hỗ trợ trên địa bàn. Các chương trình, dự án đã thực sự đi vào lòng dân và đạt được những kết quả rất đáng ghi nhận. Bên cạnh sự cố gắng, nỗ lực rất lớn của cả hệ thống chính trị, có một phần đóng góp, sự phối hợp rất nhịp nhàng của đội ngũ những người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

3.2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những tồn tại là một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa nhận thức đầy đủ, chưa thấy hết vai trò, vị trí của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số nên chưa quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện để phát huy vai trò của người có uy tín trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị tại địa phương;

- Một số địa phương chưa thực sự quan tâm đến việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với đội ngũ người có uy tín như chưa kịp thời báo cáo cho UBND cấp huyện, cấp tỉnh để thăm hỏi, động viên người có uy tín khi ốm đau, qua đời, gặp khó khăn do hạn hán, thiên tai;

- Việc tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức, phổ biến thông tin, tuyên truyền hoặc tham quan học tập kinh nghiệm trong thời gian ngắn, do đó một số người có uy tín ở tại các thôn/làng/khu phố vùng sâu, vùng xa tham gia không ít khó khăn như chuẩn bị cho việc đi lại, sắp xếp bố trí thời gian để tham gia;

- Việc phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền và các cơ quan liên quan trong việc vận động người có uy tín vẫn còn hạn chế về nội dung, hình thức, tổ chức vận động chưa linh hoạt, chưa thiết thực, về cơ chế, chính sách cho công tác này chưa đồng bộ nên

chưa phát huy tốt vai trò và khả năng của những người có uy tín. Mặt khác, có một số thôn, làng giao thông đi lại khó khăn nên việc tiếp xúc, gặp gỡ chưa thường xuyên, chưa kịp thời; trình độ học vấn không đồng đều nên việc nắm bắt tình hình chính trị, kinh tế - xã hội còn hạn chế;

- Chế độ thù lao hàng tháng cho người có uy tín không có, mức hỗ trợ khó khăn, thăm ốm đau còn thấp, chưa đảm bảo tối thiểu cho việc đi lại của người có uy tín trong công tác tuyên truyền, vận động đồng bào ở cơ sở.

3.3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân đạt được

Các chính sách luôn được quan tâm, sự phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành và địa phương ngày càng chặt chẽ, vai trò của người có uy tín ngày càng được phát huy, tạo sự đồng thuận từ cấp trên đến địa phương trong các khâu xây dựng kế hoạch, thực hiện, kiểm tra và đánh giá chính sách.

b) Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Công tác tuyên truyền, chỉ đạo triển khai thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số ở một số địa phương chưa thực sự quan tâm đúng mức. Nhiều người có uy tín chưa hiểu và nắm được chính sách đối với người có uy tín; nhận thức của một số cán bộ xã, thôn/làng/khu phố còn hạn chế chưa nhận thức hết vai trò của người có uy tín trong cộng đồng; chưa thật sự quan tâm đến công tác chỉ đạo, giám sát trong công tác bình xét ở cơ sở, việc rà soát, bầu chọn bổ sung người có uy tín còn lúng túng, chậm so với tiến độ;

- Một số người có uy tín còn hạn chế về một số mặt nhất định như: tuổi quá cao, sức khỏe yếu, trình độ nhận thức còn giới hạn, hoàn cảnh gia đình vẫn còn khó khăn, từ đó cũng làm chi phối và ảnh hưởng phần nào đến việc hoạt động của người uy tín.

3.3. Bài học kinh nghiệm

- Công tác vận động phát huy vai trò người có uy tín phải được tiến hành thường xuyên và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong việc thống nhất các tiêu chuẩn của người có uy tín; Mặt trận tổ quốc các cấp phải tích cực tìm hiểu, gặp gỡ, vận động người có uy tín để phát huy, tranh thủ tối đa khả năng, năng lực và uy tín của họ;

- Cần xác định rõ nội dung, phương pháp vận động đối với từng cá nhân để phát huy năng lực sở trường của người có uy tín trong công tác vận động quần chúng; cần phát huy được vai trò, vị trí ảnh hưởng của người uy tín trong từng vùng, từng dân tộc, từng dòng họ để có phương pháp tranh thủ, sử dụng phù hợp;

- Công tác vận động người có uy tín phải được kết hợp giữa vận động cá biệt và vận động rộng rãi. Đối với những người có uy tín mà hoạt động kém hiệu quả, cần phải kịp thời nắm bắt tâm tư, tình cảm, những khúc mắc trong cuộc sống và không được xa lánh họ, mà phải thường xuyên gặp gỡ, động viên, tác động để chuyển hóa tư tưởng;

- Các cấp, các ngành nói chung, lực lượng công an nói riêng cần tiếp tục tổ chức quán triệt các nội dung, chỉ thị của Đảng, Nhà nước về công tác vận động quần chúng, nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò, ảnh hưởng của người có uy tín trong cộng đồng, họ chính là cái gốc, chỗ dựa tinh thần vững chắc cho mỗi gia đình, mỗi cá nhân trong cuộc

sống và tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc;

- Quan tâm thực hiện các chế độ chính sách, khen thưởng những người có uy tín có thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực, nhằm kịp thời động viên người có uy tín đóng góp phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng quê hương giàu đẹp.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ UY TÍN GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Phương hướng, nhiệm vụ

Tiếp tục cung cấp thông tin cho người có uy tín về các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc hiện hành cũng như thông tin về tình hình kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương hàng năm; Giúp người có uy tín cập nhật, nắm bắt kịp thời thông tin về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương và trong nước. Từ đó phát huy vai trò của người có uy tín trong việc tham gia đóng góp vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh, trật tự ở địa phương và cùng chính quyền địa phương giải quyết khiếu nại, hòa giải, các vấn đề khác nảy sinh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số kịp thời.

- Tổ chức thăm hỏi, động viên người có uy tín gặp khó khăn, tang gia, người có uy tín ốm đau điều trị tại bệnh viện tuyến huyện, thông tin về Ban Dân tộc tỉnh về gia đình người có uy tín gặp khó khăn, tang gia, ốm đau phải đi viện tuyến tỉnh để tổ chức thăm hỏi, động viên kịp thời;

- Ban Dân tộc tỉnh và các địa phương lập dự toán kinh phí về các nội dung thực hiện chính sách do địa phương thực hiện, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chính sách đối với người có uy tín và Kế hoạch năm tiếp theo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Ủy Ban Dân tộc, Bộ Tài chính đúng thời gian quy định;

- Tổ chức khen thưởng các cá nhân người có uy tín có thành tích xuất sắc trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc bình chọn, công nhận và thực hiện các chế độ, chính sách đối với người có uy tín ở cơ sở;

- Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm hoặc đột xuất gửi Ủy ban Dân tộc.

2. Giải pháp thực hiện

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao nhận thức trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền và cán bộ, công chức tại cơ sở trong việc thực hiện công tác dân tộc và phát huy vai trò của người có uy tín;

- Tham gia có hiệu quả công tác xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở. Đổi mới và nâng cao công tác tuyên truyền, vận động nhân dân và người có uy tín tích cực tham gia phong trào " Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"; thực hiện tốt chương trình phối hợp của các phòng, ban, hội đoàn thể, UBND các xã, thị trấn và nhân dân chung sức xây dựng nông thôn mới, xóa đói, giảm nghèo, phòng tránh và khắc phục hậu quả thiên tai; xây dựng các mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất

- Tăng thêm 50% kinh phí đối với các định mức hỗ trợ cho các nội dung như thăm hỏi ốm đau, thăm viếng, thăm khó khăn, thiên tai, thăm tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán cho người có uy tín;

- Tăng số đợt tuyên truyền phổ biến cung cấp thông tin, tập huấn kiến thức, tổ chức đoàn tham quan học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất, các trang trại có hiệu quả kinh tế cao phù hợp khả năng của địa phương.

2. Kiến nghị

- Đề nghị xem xét việc cấp kinh phí hỗ trợ cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số hàng tháng hoặc quý với mức lương tối thiểu *(mức tương đương như đối với các chức danh cán bộ thôn)*. Đồng thời hỗ trợ kinh phí hoạt động, kinh phí đi lại cho người có uy tín, để người có uy tín có điều kiện và phát huy vai trò trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao đối với công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc;

- Hàng năm giao cho cấp huyện được tổ chức cho người có uy tín tham quan, học tập kinh nghiệm ở các huyện giáp ranh trong và ngoài tỉnh.

Trên đây là Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2011 - 2021 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Ủy ban Dân tộc xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Các Vụ: DTTS, ĐP II - UBDT;
- CT, các PCTUBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh uỷ;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện: VC, VT, AL, HÂ, TS, PC;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K3.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Số: 71/BC-UBND
Thời gian ký: 01/06/2021 14:11:16 +07:00

Biểu 01

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG, THÀNH PHẦN NGƯỜI CÓ UY TÍN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2011-2021

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Thời gian	Tổng số NCUT	Giới tính		Tổng số thành phần dân tộc			Thành phần người có uy tín										Ghi chú
			Nam	Nữ	Bana	Hre	Chăm	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Trưởng thôn, bản và tương đương	Cán bộ nghỉ hưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang, bà bóng	Nhà giáo, thầy thuốc, nhân sĩ	Người sản xuất, kinh doanh giỏi	Đảng viên	Thành phần khác	
1	Năm 2011																	
2	Năm 2012	121	117	4	72	39	10	27		3	33		3		1	65	29	
3	Năm 2013	121	117	4	70	39	12	37		2	34		5		1	70	25	
4	Năm 2014	121	117	4	71	39	11	29		4	29		4		1	60	34	
5	Năm 2015	121	116	5	71	39	11	31	1	4	25		5		1	50	40	
6	Năm 2016	122	119	3	72	39	11	31	1	6	25		3		1	54	31	
7	Năm2017	122	120	2	72	39	11	30	1	11	28		6		10	37	28	
8	Năm 2018	122	120	2	71	39	12	29	1	10	29		6		8	42	30	
9	Năm 2019	122	120	2	70	39	13	35	1	10	29		5		9	45	29	
10	Năm 2020	122	120	2	69	39	14	35	1	10	29		5		10	47	29	
11	Năm 2021	122	120	2	70	39	13	38	1	8	30		23		9	48	28	
	Tổng cộng	**1.216**	**1.186**	**30**	**708**	**390**	**118**	**322**	**7**	**68**	**291**	**0**	**65**	**0**	**51**	**518**	**303**	

Số: 71/BC-UBND
Thời gian ký: 01/06/2021 14:11:11 +07:00

Biểu 02A

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CUNG CẤP THÔNG TIN ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ UY TÍN GIAI ĐOẠN 2011-2021

(Kèm theo Báo cáo ……../BC-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Bình Định)

Số TT	Địa phương	Tổng số NCUT	Hội nghị phổ biến, cung cấp thông tin			Tập huấn, bồi dưỡng			Tham quan, giao lưu, học tập kinh nghiệm							Cấp báo chí, tạp chí		Hình thức cung cấp thông tin khác				Ghi chú
			Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Tổ chức trong huyện		Tổ chức trong tỉnh		Thăm Hà Nội, các tỉnh khác			Loại báo, tạp chí	Số lượng NCUT được cấp	Hình thức hoạt động	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	
									Số cuộc	Số NCUT	Số cuộc	Số NCUT	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
	Cộng toàn tỉnh (A+B)	**1.216**	**30**	**705**	**0**	**10**	**759**	**0**	**2**	**26**	**12**	**244**	**7**	**166**	**0**	**0**	**2.432**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
A	**Ban Dân tộc**	**1.216**	**0**	**0**	**0**	**6**	**640**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**7**	**166**	**0**	**0**	**1.216**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Năm 2011																					
2	Năm2012	121				1	110	T									121					
3	Năm 2013	121				1	110	T					1	26	T	Báo Dân tộc & Phát triển; Báo Bình Định; Báo Nhân dân (UBDT cấp)	121					
4	Năm 2014	121											1	21	T		121					
5	Năm 2015	121				1	110	T					1	23	T		121					
6	Năm 2016	122				1	110	T					1	23	T		122					
7	Năm2017	122															122					
8	Năm 2018	122											1	22	T		122					
9	Năm 2019	122				1	100	T					1	27	T		122					
10	Năm 2020	122				1	100	T					1	24	T		122					
11	Năm 2021	122															122					
B	**Các huyện**	**1.216**	**30**	**705**	**0**	**4**	**119**	**0**	**2**	**26**	**12**	**244**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1.216**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
II	**Huyện An Lão**	**404**	**9**	**364**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2**	**39**	**0**	**0**	**0**	**0**	**404**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Năm 2011															Báo Dân tộc & Phát triển; Báo Bình Định; Báo Nhân dân (UBDT cấp)						
2	Năm2012	41	1	41													41					
3	Năm 2013	41	1	41													41					
4	Năm 2014	41	1	41													41					
5	Năm 2015	41	1	41							1	19					41					
6	Năm 2016	40	1	40							1	20					40					
7	Năm2017	40	1	40													40					
8	Năm 2018	40	1	40													40					
9	Năm 2019	40	1	40													40					
10	Năm 2020	40	1	40													40					
11	Năm 2021	40															40					

Số TT	Địa phương	Tổng số NCUT	Hội nghị phổ biến, cung cấp thông tin			Tập huấn, bồi dưỡng			Tham quan, giao lưu, học tập kinh nghiệm							Cấp báo chí, tạp chí		Hình thức cung cấp thông tin khác				Ghi chú
			Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Tổ chức trong huyện		Tổ chức trong tỉnh		Thăm Hà Nội, các tỉnh khác			Loại báo, tạp chí	Số lượng NCUT được cấp	Hình thức hoạt động	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	
									Số cuộc	Số NCUT	Số cuộc	Số NCUT	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
III	**Huyện Vĩnh Thạnh**	**312**	**2**	**60**	**0**	**2**	**64**	**0**	**0**	**0**	**4**	**70**	**0**	**0**	**0**	**0**	**312**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Năm 2011																					
2	Năm2012	30														Báo Dân tộc & Phát triển; Báo Bình Định; Báo Nhân dân (UBDT cấp)	30					
3	Năm 2013	30															30					
4	Năm 2014	30	1	30													30					
5	Năm 2015	30	1	30							1	19					30					
6	Năm 2016	32									1	16					32					
7	Năm2017	32									1	15					32					
8	Năm 2018	32				1	32	H									32					
9	Năm 2019	32				1	32	H									32					
10	Năm 2020	32									1	20					32					
11	Năm 2021	32															32					
IV	**Huyện Vân Canh**	**280**	**6**	**166**	**0**	**2**	**55**	**0**	**0**	**0**	**4**	**109**	**0**	**0**	**0**	**0**	**280**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Năm 2011															Báo Dân tộc & Phát triển; Báo Bình Định; Báo Nhân dân (UBDT cấp)						
2	Năm2012	28															28					
3	Năm 2013	28															28					
4	Năm 2014	28	1	28	H												28					
5	Năm 2015	28	1	28	H												28					
6	Năm 2016	28	1	28	H						1	28					28					
7	Năm2017	28				1	28	H			1	28					28					
8	Năm 2018	28				1	27	H			1	27					28					
9	Năm 2019	28	1	28	H												28					
10	Năm 2020	28	1	26	H						1	26					28					
11	Năm 2021	28	1	28													28					
V	**Huyện Hoài Ân**	**130**	**4**	**52**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2**	**26**	**2**	**26**	**0**	**0**	**0**	**0**	**130**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Năm 2011															Báo Dân tộc & Phát triển; Báo Bình Định; Báo Nhân dân (UBDT cấp)						
2	Năm2012	13															13					
3	Năm 2013	13															13					
4	Năm 2014	13	1	13	H				1	13							13					
5	Năm 2015	13	1	13	H						1	13					13					
6	Năm 2016	13	1	13	H						1	13					13					
7	Năm2017	13															13					
8	Năm 2018	13															13					
9	Năm 2019	13															13					
10	Năm 2020	13	1	13	H				1	13							13					

Số TT	Địa phương	Tổng số NCUT	Hội nghị phổ biến, cung cấp thông tin			Tập huấn, bồi dưỡng			Tham quan, giao lưu, học tập kinh nghiệm							Cấp báo chí, tạp chí		Hình thức cung cấp thông tin khác				Ghi chú
			Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Tổ chức trong huyện		Tổ chức trong tỉnh		Thăm Hà Nội, các tỉnh khác			Loại báo, tạp chí	Số lượng NCUT được cấp	Hình thức hoạt động	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	
									Số cuộc	Số NCUT	Số cuộc	Số NCUT	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
11	Năm 2021	13															13					
VI	**Huyện Tây Sơn**	**70**	**9**	**63**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**70**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Năm 2011															Báo Dân tộc & Phát triển; Báo Bình Định; Báo Nhân dân (UBDT cấp)						
2	Năm2012	7	1	7	H												7					
3	Năm 2013	7	1	7	H												7					
4	Năm 2014	7	1	7	H												7					
5	Năm 2015	7	1	7	H												7					
6	Năm 2016	7	1	7	H												7					
7	Năm2017	7	1	7	H												7					
8	Năm 2018	7	1	7	H												7					
9	Năm 2019	7	1	7	H												7					
10	Năm 2020	7	1	7	H												7					
11	Năm 2021	7															7					
VII	**Huyện Phù Cát**	**20**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**20**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Năm 2011															Báo Dân tộc & Phát triển; Báo Bình Định; Báo Nhân dân (UBDT cấp)						
2	Năm2012	2															2					
3	Năm 2013	2															2					
4	Năm 2014	2															2					
5	Năm 2015	2															2					
6	Năm 2016	2															2					
7	Năm2017	2															2					
8	Năm 2018	2															2					
9	Năm 2019	2															2					
10	Năm 2020	2															2					
11	Năm 2021	2															2					

Số: 71/BC-UBND
Thời gian ký: 01/06/2021 14:11:06 +07:00

Biểu 02B

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
HỖ TRỢ VẬT CHẤT, ĐỘNG VIÊN TINH THẦN VÀ KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ UY TÍN GIAI ĐOẠN 2011-2021

(Kèm theo Báo cáo /BC-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Bình Định)

Số TT	Địa phương	Tổng số NCUT	Thăm hỏi, tặng quà dịp Tết Nguyên đán			Thăm hỏi, tặng quà dịp Tết của DTTS			Thăm hỏi, hỗ trợ NCUT ốm đau			Thăm hỏi, hỗ trợ gia đình NCUT gặp khó khăn			Thăm viếng NCUT và thân nhân qua đời			Hình thức thăm hỏi, hỗ trợ khác				Khen thưởng NCUT			Ghi chú
			Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số trường hợp	Cấp tổ chức	Số cuộc	Số trường hợp	Cấp tổ chức	Hình thức hỗ trợ	Số cuộc	Số NCUT	Cấp tổ chức	Số NCUT	Hình thức khen	Cấp khen	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)
Cộng toàn tỉnh (A+B)		**1.216**	**58**	**1.143**	**0**	**0**	**0**	**0**	**54**	**76**	**0**	**47**	**635**	**0**	**18**	**19**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**30**	**0**	**0**	**0**
A	**Ban Dân tộc**	**1.216**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**10**	**11**	**0**	**24**	**362**	**0**	**5**	**5**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**30**	**0**	**0**	**0**
1	Năm 2011																								
2	Năm2012	121																							
3	Năm 2013	121										3	45	T											
4	Năm 2014	121										1	10	T											
5	Năm 2015	121							2	2	T	4	48	T											
6	Năm 2016	122							4	4	T	1	28	T											
7	Năm2017	122							1	2	T	6	90	T	4	4	T								
8	Năm 2018	122										2	27	T											
9	Năm 2019	122							3	3	T	4	62	T											
10	Năm 2020	122										3	52	T								15	Giấy khen	T	
11	Năm 2021	122													1	1	T					15	Giấy khen	T	
B	**Các huyện**	**1.216**	**58**	**1.143**	**0**	**0**	**0**	**0**	**44**	**65**	**0**	**23**	**273**	**0**	**13**	**14**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

I	**Huyện An Lão**	**404**	**9**	**361**	**0**	**0**	**0**	**0**	**8**	**8**	**0**	**1**	**33**	**0**	**4**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Năm 2011																								
2	Năm2012	41							1	1	H				1	1	H								
3	Năm 2013	41	1	40	H																				
4	Năm 2014	41	1	41	H				1	1	H				1	1	H								
5	Năm 2015	41	1	41	H				2	2															
6	Năm 2016	40	1	40	H				3	3	H	1	33	H											
7	Năm2017	40	1	40	H										1	1	H								
8	Năm 2018	40	1	39	H				1	1	H														
9	Năm 2019	40	1	40	H										1	1	H								
10	Năm 2020	40	1	40	H																				
11	Năm 2021	40	1	40	H																				
II	**Huyện Vĩnh Thạnh**	**312**	**9**	**282**	**0**	**0**	**0**	**0**	**19**	**19**	**0**	**11**	**159**	**0**	**4**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Năm 2011																								
2	Năm2012	30																							
3	Năm 2013	30	1	30	H							1	30	H											
4	Năm 2014	30	1	30	H				1	1	H	1	11	H											
5	Năm 2015	30	1	30	H							2	24	H											
6	Năm 2016	32	1	32	H				4	4	H	2	24	H	1	1	H								
7	Năm 2017	32	1	32	H				4	4	H	2	21	H	2	2	H								
8	Năm 2018	32	1	32	H				4	4	H	1	17	H											
9	Năm 2019	32	1	32	H				4	4	H	1	15	H	1	1	H								
10	Năm 2020	32	1	32	H				2	2	H	1	17	H											
11	Năm 2021	32	1	32	H																				
III	**Huyện Vân Canh**	**280**	**10**	**280**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4**	**17**	**0**	**2**	**30**	**0**	**1**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Năm 2011																								
2	Năm2012	28	1	28	H																				
3	Năm 2013	28	1	28	H				1	8	H	1	13	H											

4	Năm 2014	28	1	28	H				1	5	H														
5	Năm 2015	28	1	28	H																				
6	Năm 2016	28	1	28	H																				
7	Năm 2017	28	1	28	H				1	2	H				1	2	H								
8	Năm 2018	28	1	28	H				1	2	H														
9	Năm 2019	28	1	28	H																				
10	Năm 2020	28	1	28	H							1	17	H											
11	Năm 2021	28	1	28	H																				
IV	**Huyện Hoài Ân**	**130**	**10**	**130**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4**	**6**	**0**	**3**	**39**	**0**	**4**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Năm 2011																								
2	Năm2012	13	1	13	H																				
3	Năm 2013	13	1	13	H																				
4	Năm 2014	13	1	13	H				1	1	H														
5	Năm 2015	13	1	13	H				1	2	H														
6	Năm 2016	13	1	13	H										3	3	H								
7	Năm2017	13	1	13	H				1	1	H														
8	Năm 2018	13	1	13	H							1	13	H											
9	Năm 2019	13	1	13	H							1	13	H											
10	Năm 2020	13	1	13	H				1	2	H	1	13	H											
11	Năm 2021	13	1	13	H										1	1	H								
V	**Huyện Tây Sơn**	**70**	**10**	**70**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Năm 2011																								
2	Năm2012	7	1	7	H																				
3	Năm 2013	7	1	7	H																				
4	Năm 2014	7	1	7	H																				
5	Năm 2015	7	1	7	H																				
6	Năm 2016	7	1	7	H																				
7	Năm2017	7	1	7	H																				

8	Năm 2018	7	1	7	H				2	2	H														
9	Năm 2019	7	1	7	H																				
10	Năm 2020	7	1	7	H																				
11	Năm 2021	7	1	7	H				1	1	H														
VI	**Huyện Phù Cát**	**20**	**10**	**20**	**0**	**0**	**0**	**0**	**6**	**12**	**0**	**6**	**12**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Năm 2011																								
2	Năm2012	2	1	2	H																				
3	Năm 2013	2	1	2	H																				
4	Năm 2014	2	1	2	H																				
5	Năm 2015	2	1	2	H																				
6	Năm 2016	2	1	2	H				1	2	H	1	2	H											
7	Năm2017	2	1	2	H				1	2	H	1	2	H											
8	Năm 2018	2	1	2	H				1	2	H	1	2	H											
9	Năm 2019	2	1	2	H				1	2	H	1	2	H											
10	Năm 2020	2	1	2	H				1	2	H	1	2	H											
11	Năm 2021	2	1	2	H				1	2	H	1	2	H											

Số: 71/BC-UBND
Thời gian ký: 01/06/2021 14:11:01 +07:00

Biểu 03

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ
Thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ năm 2022
(Kèm theo Báo cáo /BC-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Nội dung chi	Ước thực hiện năm 2021			Nhu cầu kinh phí năm 2022		
		Đối tượng/ Số lượng	NSĐP	NSTW	Đối tượng/ Số lượng	NSĐP	NSTW
1	**Cung cấp thông tin cho người uy tín**		**514.625.000**	**174.826.000**		**522.275.000**	**176.000.000**
a	Phổ biến, cung cấp thông tin						
	Các huyện	113	43.300.000		100	46.000.000	
b	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức						
	Ban Dân tộc	*122*	*154.275.000*		*122*	*154.275.000*	
	Các huyện	*35*	*38.500.000*		*35*	*38.500.000*	
c	Cấp báo						
-	Báo Dân tộc phát triển	122		117.181.000	122		118.000.000
-	Báo Bình Định	122		57.645.000	122		58.000.000
d	Thăm quan, học tập kinh nghiệm						
	Ban Dân tộc	*27*	*204.200.000*		*27*	*205.000.000*	
	Các huyện	*91*	*74.350.000*		*91*	*78.500.000*	
2	**Hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần**		**300.000**	**458.100.000**		**600.000**	**281.000.000**
a	Thăm hỏi, tặng quà NCUT nhân dịp Tết Nguyên đán						
	Các huyện	*122*		*60.800.000*	*122*		*60.800.000*
b	Thăm hỏi, đồng viên NCUT ốm đau						
	Ban Dân tộc	*100*		*150.000.000*	*20*		*30.000.000*
	Các huyện	*40*		*30.000.000*	*21*		*15.800.000*
c	Thăm hỏi, hỗ trợ gia đình NCUT gặp khó khăn						
	Ban Dân tộc	*122*		*122.000.000*	*100*		*100.000.000*
	Các huyện	*123*		*60.600.000*	*96*	*400.000*	*48.100.000*
d	Thăm viếng, động viên NCUT và thân nhân gia đình NCUT qua đời						
	Ban Dân tộc	*30*		*30.000.000*	*15*		*15.000.000*
	Các huyện	*10*	*300.000*	*4.700.000*	*19*	*200.000*	*11.300.000*
3	**Khen thưởng**		**13.490.000**			**14.040.000**	
	Ban Dân tộc	15	8.250.000		15	8.250.000	
	Các huyện	7	5.240.000		8	5.790.000	
4	**Quản lý, tổ chức thực hiện và đón tiếp các Đoàn đại biểu NCUT của các địa phương khác đến**		**143.975.000**	**101.174.000**		**76.090.000**	
a	Ban Dân tộc						
	- Đón tiếp các Đoàn đại biểu NCUT của các địa phương khác đến	*180*	*78.000.000*		*220*	*90.000*	
	- Quản lý, tổ chức thực hiện(xăng, công tác phí,văn phòng phẩm…)		*12.275.000*	*101.174.000*		*20.000.000*	
b	Các huyện	60	53.700.000		60	56.000.000	
	Tổng cộng		**672.390.000**	**734.100.000**		**613.005.000**	**457.000.000**